TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 337/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v: *"Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H1

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc L

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1969; Địa chỉ: 67/17 ấp HT, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1965; Địa chỉ: 67/17 ấp HT, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 1987, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn N sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới. Sau thời gian sống chung được 10 năm thì ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN ngày 10/8/1997. Thời gian chung sống hạnh phúc được 20 năm, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống không còn phù hợp nhau, thường xuyên gây gỗ cải vã gây bất hòa trong gia đình, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2021 bà Đ đã bỏ đi làm nhưng ông N vẫn tính nào tật nấy, không thay đổi, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay mà không thể hàn gắn.

Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: gồm có 1 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th, sinh

năm 1987, đã trưởng thành, có gia đình riêng, có khả năng nuôi sống bản thân, bà Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn N có địa chỉ tại 67/17 ấp HT, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Vì vậy, vụ án được xác định là vụ án "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Nguyễn Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông N là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 10/08/1997 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà Đ cho rằng sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cải, không có tiếng nói chung, chồng bà có lối sống độc quyền, gia trưởng, không chịu lắng nghe ý kiến, không vun đắp dược hạnh phúc cho nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay mà không hàn gắn được. Từ đó, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà Đ cương quyết yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Còn ông N mặc dù đã được Tòa án mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho ông và bà Đ có được cơ hội hàn gắn gia đình, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì. Đ đó chứng tỏ, bản thân ông N không muốn hàn gắn gia đình. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai. Do đó,

HĐXX nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ với ông N là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, ông N cũng không có ý kiến gì nên ghi nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đ và ông N có tạo ra 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1987, đã trưởng thành, có gia đình riêng và đủ điều kiện tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: bà Đ tự thỏa thuận với ông N, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: bà Đ khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết và cũng không ai có yêu cầu gì nên không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ với ông Nguyễn Văn N. Cụ thể tuyên:

Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Ghi nhận bà Đ không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn N có tạo ra một người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1987, đã trưởng thành, có gia đình riêng và đủ điều kiện nuôi sống bản thân, bà Đ không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Đ khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết và cũng không ai có yêu cầu gì nên không xét đến.

4. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000938 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT, bà Đ đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu